TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35/2023/QĐST-HNGĐ	*Sông Công, ngày 30 tháng 03 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Xuân K, sinh năm 1995

Bị đơn: Chị Ninh Thị T, sinh năm 1996

Đều trú tại: TDP H, phường Phố Cò, Tp Sông Công,tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51,54, 55, 57, 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 03 năm 2023

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 03 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Xuân K và chị Ninh Thị T

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Xuân K, chị Ninh Thị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh K và chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thị Bảo N, sinh ngày 16/07/2017, Vũ Linh C, sinh ngày 29/04/2021. Khi ly hôn anh K, chị T thỏa thuận: Chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con chung Vũ Thị Bảo N, Vũ Linh C cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh K có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K và chị T thỏa thuận, anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/ tháng (2.000.000 đồng/ con/ tháng) kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về sản chung, nợ chung: Anh K và chị T xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Anh Vũ Xuân K tự nguyện nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng vào Ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001008 ngày 27 tháng 2 năm 2023 tại C cục Thi hành án Dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
-VKSND TPSCTN;
-THADS TPSCTN;
-Các đương sự;
-UBND phường Phố Cò, TPSCTN;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Bình